

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I- MÔN TOÁN - LỚP 4
NĂM HỌC 2022 - 2023

Tên các nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Số câu và số điểm	Các mức độ nhận thức								Tổng cộng	
		Mức 1 (Nhận biết)		Mức 2 (Thông hiểu)		Mức 3 (Vận dụng)		Mức 4 (VD nâng cao)			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1. Số học (Đọc, viết, so sánh số tự nhiên) Các phép tính với số TN	Số câu	1				1	1			4	1
	Số điểm	3.0				1.0	1.0			4.0	1.0
	Câu số	1,2,3				7	8			1,2,3,7	8
2. Đại lượng và đo đại lượng (Chuyển đổi đơn vị đo độ dài, thời gian, thực hiện phép tính với số đo khối lượng)	Số câu			2						2	
	Số điểm			2.0						2.0	
	Câu số			4,6						4,6	
3. Yếu tố hình học (Nhận biết góc vuông, góc nhọn, góc tù)	Số câu			1						1	
	Số điểm			1.0						1.0	
	Câu số			5						5	
4. Giải bài toán có lời văn(Dạng: Tìm số trung bình cộng nhật;Tìm hai số khi biết Tổng – hiệu hia số đó))	Số câu						1		1		2
	Số điểm						1.0		1.0		2.0
	Câu số						9		10		
Tổng số câu		3		3		1	2		1	7	3
Tổng số điểm		3.0		3.0		1.0	2.0		1.0	7.0	3.0
Tỉ lệ %		30%		30%		30%		10%		70%	30%

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- LỚP 4.
MÔN: TOÁN -NĂM HỌC 2022 - 2023

Ngày kiểm tra: thứ 4 ngày 9./11/2022

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:(câu 1,2,3,6,7)

Câu 1.(M1): Số 46 254 778 đọc là:

- A. Bốn mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi bốn bảy trăm bảy mươi tám.
- B. Bốn mươi nghìn hai trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm bảy tám
- C. Bốn mươi sáu triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm bảy mươi tám.
- D. Bốn mươi sáu tỉ hai trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm bảy mươi tám.

Câu 2. (M1): Chữ số 8 trong số 324 958 301 thuộc hàng nào, lớp nào?

- A. Hàng chục nghìn, lớp nghìn.
- B. Hàng nghìn, lớp nghìn.
- C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn.
- D. Hàng chục, lớp nghìn.

Câu 3: (M1): Năm 2022 thuộc thế kỉ thứ mấy?

- A. thế kỉ XVIII
- B. thế kỉ XIX
- C. thế kỉ XX
- D. thế kỉ XXI

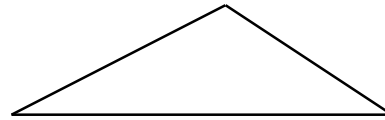
Câu 4. (M2) Điền < , > , = thích hợp vào chỗ chấm.

- a. 3 phút 10 giây190 giây
- b. 2m 7cm270cm

Câu 5. (M2) Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Hình tam giác bên có:

- A. 2 góc nhọn, 1 góc vuông.
- B. 2 góc tù, 1 góc nhọn.
- C. 2 góc nhọn, 1 góc tù.
- D. 1 góc vuông, 2 góc tù



Câu 6. (M2) Một gói bánh cân nặng 350 g, một gói kẹo cân nặng 550g. Trung bình mỗi gói cân nặng bao nhiêu dag?

- A. 35 dag
- B. 45 dag
- C. 55 dag
- D. 90 dag

Câu 7. (M3) Tìm x, biết $8152 - x = 205 \times 8$ Giá trị của x là:

- A. 6 512
- B. 6 521
- C. 6 251
- D. 6 125

Câu 8. (M) Tính bằng cách thuận tiện nhất.

$$11 + 22 + 33 + 44 + 55 + 66 + 77 + 88 + 99$$

Câu 9. (M3): Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 84m, chiều dài hơn chiều rộng 28m. Tính diện tích của mảnh vườn đó?

Câu 10. (M4) An và Nguyễn có tổng cộng 120 viên bi. Nếu An cho Nguyễn 20 viên bi thì Nguyễn có nhiều hơn An 16 viên bi. Hỏi số bi của mỗi bạn.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM MÔN TOÁN GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2022- 2023
(Mỗi câu đúng đạt 1 điểm)

Câu 1. (1điểm) Số 46254778 đọc là:

C. Bốn mươi sáu triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm bảy mươi tám.

Câu 2. (1điểm)

B. Hàng nghìn, lớp nghìn.

Câu 3:

D. thế kỉ XXI

Câu 4. (1 điểm) *Điền dấu (> , < , =) thích hợp vào chỗ chấm.*

a. 3 phút 10 giây = 190 giây

b. 2m 7cm < 270 cm

Câu 5. (1điểm) **Đúng ghi Đ, sai ghi S:**

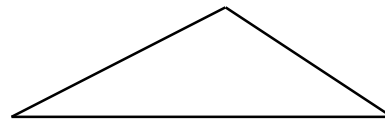
Hình tam giác bên có:

A. 2 góc nhọn, 1 góc vuông. S

B. 2 góc tù, 1 góc nhọn. S

C. 2 góc nhọn, 1 góc tù. Đ

D. 1 góc vuông, 2 góc tù S



- Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu 6. (1 điểm): B. 45 dag.

Câu 7. (1 điểm) A. 6 512

Câu 8. (1 điểm) **Tính bằng cách thuận tiện nhất (Giáo viên linh động chấm)**

C1: $11 + 22 + 33 + 44 + 55 + 66 + 77 + 88 + 99 = (11 + 99) + (22+88) + (33+ 77) + (44+66) + 55 = 110+ 110+ 110+ 110 + 55 = 495$

C2: $11 + 22 + 33 + 44 + 55 + 66 + 77 + 88 + 99 = (11 + 99) + (22+88) + (33+ 77) + (44+66) + 55 = 110+ 110+ 110+ 110 + 55 = 110 \times 4 + 55 = 440 + 55 = 495$

Câu 9. (1 điểm): Mỗi lời giải và phép tính đúng 0,2 điểm ;đáp số 0,2 điểm

Bài giải:

Nửa chu vi hình chữ nhật là:

$$84:2 = 42(m)$$

Chiều dài mảnh vườn là:

$$(42 + 28): 2 = 35(m)$$

Chiều rộng mảnh vườn là:

$$35 - 28 = 7(m)$$

Diện tích mảnh vườn là:

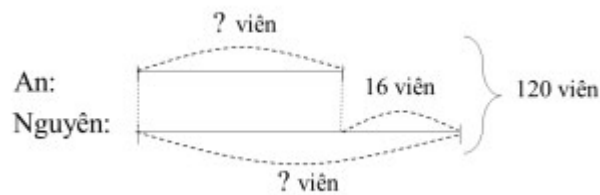
$$35 \times 7 = 245(m^2)$$

Đáp số: $245m^2$

Câu 10: (1điểm) Mỗi lời giải và phép tính đúng 0,25 điểm ;đáp số 0,25 điểm. (Lưu ý học sinh không vẽ sơ đồ vẫn được điểm tối đa.)

Bài giải:

Nếu An cho Nguyễn 20 viên bi thì tổng số bi của hai bạn vẫn là 120 viên, hiệu số bi của hai bạn là 16 viên bi. Khi đó ta có sơ đồ sau:



Số bi của An khi đó là:

$$(120 - 16) : 2 = 52 \text{ (viên)}$$

Số bi của An ban đầu là:

$$52 + 20 = 72 \text{ (viên)}$$

Số bi của Nguyễn là:

$$120 - 72 = 48 \text{ (viên)}$$

ĐS: An: 72 viên bi

Nguyễn: 48 viên bi

Duyệt đề